

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2025

V/v: Ly hôn giữa bà Ma Thị

Kim L và ông Ya T.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Hoàng.

2/ Bà Nguyễn Thị Lan Hương .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - L tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ma Thị Kim L**, sinh năm 1999. Nghề nghiệp: Làm nông. Trú tại: Thôn Tou Neh, xã T, tỉnh L.

- **Bị đơn:** Ông **Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T)**, sinh năm 1994. Nghề nghiệp: Làm nông. Trú tại: Thôn Cha Rang Hao, xã T, tỉnh L.

Bà L và ông T có mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*/ Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn bà Ma Thị Kim L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà cùng ông Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T) kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, tỉnh L. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 04 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống cùng với gia đình bà tại thôn Tou Neh, xã T, tỉnh L. Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc, đến khi bà sinh con thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ya T không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi đêm, nhậu nhẹt, không tôn trọng vợ, không có trách nhiệm với vợ con, đi làm về không đưa tiền cho vợ để lo cho cuộc sống gia đình, ông Ya T hay ghen

tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng ngọt ngào, áp lực đã nhiều lần bà có ý định tự tử. Vợ chồng bà đã ly thân và không còn chung sống với nhau, ông Ya T đã dọn về nhà cha mẹ đẻ của ông Ya T sống từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bà không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ya T.

Về con chung: Bà và ông Ya T có một con chung tên Ya A, sinh ngày 27/02/2018. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến ngày thành niên, bà yêu cầu ông Ya T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến ngày con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông Ya T không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Ya T không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\*/ Bị đơn ông Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T) trình bày:***

Ông cùng bà Ma Thị Kim L kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu 03 tháng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông về bên nhà vợ sinh sống tại thôn Tou Neh, xã T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L hay bắt bẻ ông, vợ chồng không có quan điểm chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ông đã ly thân, ông đã dọn về bên gia đình cha mẹ đẻ của ông tại thôn Cha Rang Hao, xã T sinh sống từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Tuy nhiên nay ông xác định ông vẫn còn tình cảm với bà L, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là bình thường vì vợ chồng nào cũng mâu thuẫn xích mích nhau. Do đó, nay bà L yêu cầu ly hôn ông thì ông không đồng ý ly hôn. Ông đề nghị bà L rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung tên Ya Á, sinh ngày 27/02/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà L. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng như bà L yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông và bà L không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà L không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà L và ông T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Xử cho bà L được ly hôn ông T. Về con chung: Giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên, buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/1 tháng cho đến ngày con chung thành niên. Về tài sản chung và nợ chung bà L và ông T không yêu cầu xem xét giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn” giữa nguyên đơn bà Ma Thị Kim L và bị đơn ông Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T).

Về tố tụng dân sự: Bà L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - L giải quyết việc hôn nhân của ông bà. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - L.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau khi kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không tìm ra hướng giải quyết. Ông bà đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Nay bà L làm đơn yêu cầu được ly hôn ông T thì ông T không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích quyền nghĩa vụ vợ chồng, hoà giải giữa các bên nhưng bà L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, ông T thì không đưa ra được hướng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã ly thân, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông T là phù hợp, có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Cháu Ya A, sinh ngày 27/02/2018 là con chung của ông bà nên ông bà đều phải có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến ngày thành niên. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến ngày thành niên. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình ông bà sống ly thân, thì cháu Ya A sống với bà L ổn định, phát triển bình thường, hiện tại cháu Ya A còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nên Hội đồng xét xử giao cháu Ya A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2025 cho đến ngày con chung thành niên. Ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, ông T cho rằng nếu trường hợp bà L không nuôi được con chung thì giao con chung cho ông nuôi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy để đảm bảo cho con chung có điều kiện, cuộc sống ổn định, phát triển tốt nên cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ 1tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 cho đến ngày con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Bà L phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc ông T phải nộp toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 195, 205, 211, 220, 227, 228, 264, 267 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Ma Thị Kim L được ly hôn ông Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T).

2/ Về con chung: Giao cho bà Ma Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Ya A, sinh ngày 27/02/2018 cho đến ngày thành niên.

Buộc ông Ya T (Bơ Nawh Ria Ya T) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền thăm nom con chung, thay đổi việc nuôi con chung, quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3/ Về án phí: Bà Ma Thị Kim L phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (được trừ vào số tiền 300.000đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0000675 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L cũ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - L).

Buộc ông Ya T phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4/ Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà L và ông T có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L.
- VKSNDKV2 -L.
- Phòng THADSKV2 -L.
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG**

